

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 694/2023/HC-PT

Ngày 20 - 9 - 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Hải và bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 508/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10434/2023/QĐPT-HC ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà TTB, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông HKD, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã NT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) và UBND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐDH - Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông ĐCH - Phó Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND và UBND thành phố Bắc Giang: Ông TĐH - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) thành phố Bắc Giang. (có mặt)

2.2. Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Ông LAD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LOP - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Ông NVX - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. UBND xã T, thành phố Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà LTC - Công chức Địa chính - Xây dựng xã T, thành phố Bắc Giang. (có mặt)

3.2. Ông ĐXY, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3.3. Chị ĐTT, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, phường M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3.4. Chị ĐTC, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn G, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3.5. Chị ĐTĐ, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 01, ngõ 175, phường D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3.6. Chị ĐTL, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn An Bình, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2022 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà TTB trình bày:

Thửa số 36, tờ bản đồ số 71, có diện tích 19.644,8m², gia đình bà bị thu hồi 408,0m², đất trồng cây hàng năm thuộc xứ đồng Non Đồng, có nguồn gốc được Nhà nước giao.

Thửa số 02, tờ bản đồ số 66, có diện tích 527,4m², gia đình bà bị thu hồi 180,0m², đất trồng cây lâu năm, thuộc xứ đồng Miếu, có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp, không thuộc quỹ đất công ích UBND xã quản lý.

Thửa số 01, tờ bản đồ số 67, có diện tích 15.346,4m², gia đình bà bị thu hồi 15.346,4m², đất công ích nuôi trồng thủy sản, thuộc xứ đồng Cửa Làng, có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã T quản lý.

Ngày 26/8/2021, UBND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định 1008/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (viết tắt là Quyết

định số 1008) và Quyết định số 1009/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (viết tắt là BT, HT, GPMB) đợt 12 để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (viết tắt là Quyết định số 1009).

Không đồng ý với các Quyết định nêu trên, ngày 18/9/2021 bà đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc thu hồi, BT, GPMB không đúng quy định.

Ngày 31/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1983/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB, trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang (lần đầu), (viết tắt là Quyết định số 1983). Nội dung của quyết định là khiếu nại của bà không có căn cứ nên giữ nguyên và tiếp tục thực hiện các quyết định nêu trên.

Không đồng ý với nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại số 1983, bà tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Ngày 04/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 2740/QĐ-UBND, về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (lần hai), (viết tắt là Quyết định số 2740). Nội dung của quyết định giải quyết cho rằng khiếu nại của bà là không có căn cứ nên giữ nguyên Quyết định số 1983.

Bà cho rằng các quyết định thu hồi và bồi thường đã tính thiếu diện tích đất cho gia đình bà, cụ thể: Tại thửa số 02, tờ bản đồ số 66, thiếu diện tích 347,4m²; tại thửa số 01, tờ bản đồ số 67, thiếu diện tích 454,4m² và tại thửa số 36, tờ bản đồ số 71, thiếu diện tích 120,0m².

Các quyết định nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND thành phố Bắc Giang về việc thu hồi đất (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 05, số 09 thuộc đô thị N, thành phố Bắc Giang liên quan đến gia đình bà TTB.

- Hủy Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB, trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (lần hai).

- Buộc UBND thành phố Bắc Giang phải bồi thường, hỗ trợ đủ cho gia đình bà tại: Thửa số 02, tờ bản đồ số 66, diện tích 347,4m²; thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 454,4m² và thửa số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 120,0m².

UBND và Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang do ông ĐCH, Phó Chủ tịch UBND đại diện theo uỷ quyền trình bày:

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 1983:

Ngày 28/9/2021, bà TTB có đơn gửi Chủ tịch UBND thành phố với nội dung phản ánh việc UBND thành phố thu hồi đất, BT, GPMB không đúng quy định. Ngày 07/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang có Công văn số 3778/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà TTB.

Không nhất trí với trả lời của Chủ tịch UBND thành phố tại Công văn số 3778/UBND-TNMT ngày 07/12/2021, ngày 10/01/2022, bà TTB có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 201/UBND-TCĐ ngày 14/01/2022 về việc chuyển đơn của bà TTB, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan của thành phố tổ chức làm rõ nội dung đơn của bà TTB.

Ngày 24/01/2022, Ban Tiếp công dân thành phố phối hợp với các đơn vị có liên quan làm việc với đại diện hộ bà TTB để làm rõ nội dung đơn.

Ngày 16/02/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan làm việc với bà TTB để làm rõ nội dung đơn khiếu nại. Tại buổi làm việc, bà TTB cho biết: *Bà khiếu nại Quyết định số 1008, Quyết định số 1009 và đề nghị: Bồi thường diện tích còn lại (347,4m²) là đất trồng cây hàng năm (sau khi bồi thường diện tích 180,0m²) tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 diện tích 527,4m²; bồi thường diện tích dôi dư so với hợp đồng giao thầu là đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 15.346,4m²; bồi thường 120,0m² là đất trồng cây hàng năm (không nhất trí thu hồi là đất công ích do UBND xã quản lý) tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 19.644,8m².*

Chủ tịch UBND thành phố mời đối thoại giải quyết đơn của bà TTB vào các ngày: 08/4/2022, 18/4/2022 và 24/5/2022 nhưng bà TTB không tham gia, với lý do bận công việc.

Ngày 31/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định số 1983 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB (lần đầu).

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, bà TTB tiếp tục khiếu nại lần hai. Ngày 04/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2740 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB (lần hai).

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng sử dụng đất và hồ sơ, tài liệu có liên quan: Theo hồ sơ BT, GPMB, trong chỉ giới thực hiện dự án hộ bà TTB sử dụng các thửa đất, có nguồn gốc cụ thể như sau:

Thửa số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 19.644,8m², diện tích thu hồi 408,0m², đất trồng cây hàng năm, thuộc xứ đồng Non Đồng, có nguồn gốc được Nhà nước giao (thửa đất số 100 (17), tờ bản đồ số 07).

Thửa số 02, tờ bản đồ số 66, diện tích 527,4m², diện tích thu hồi 180,0m², đất trồng cây lâu năm, thuộc xứ đồng Miếu, có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp, không thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý.

Thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 15.346,4m², diện tích thu hồi 15.346,4m², đất công ích nuôi trồng thủy sản, thuộc xứ đồng Cửa Làng, có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã T quản lý.

- Về việc TH, BT GPMB: Ngày 10/6/2020, UBND tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 481/QĐ-UBND về việc chấp thuận đầu tư dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.

UBND thành phố có các Thông báo: Số 68/TB-UBND ngày 27/3/2019 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N; số 295/TB-UBND ngày 22/10/2020 về việc điều chỉnh thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị N, thành phố Bắc Giang.

Ngày 22/8/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm Công nghiệp thành phố phối hợp với UBND xã T tổ chức hội nghị phổ biến chủ trương, chế độ chính sách BT, GPMB và thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị N, thành phố Bắc Giang đến các ban ngành, đoàn thể xã T, Thôn X và các hộ gia đình, cá nhân có đất nhà nước thu hồi để thực hiện dự án.

Ngày 15/7/2021, hộ bà TTB có Tờ tự khai về đất và tài sản có trên đất, trong đó kê khai 05 thửa đất nằm trong chỉ giới thực hiện dự án. Ngày 18/7/2021, hộ gia đình bà TTB phối hợp với UBND xã T, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm Công nghiệp thành phố, đại diện Thôn X tiến hành kiểm kê về đất, tài sản trên đất; đại diện hộ gia đình là ông ĐXY ký nhận biên bản kiểm kê.

Ngày 02/8/2021, UBND xã T phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm Công nghiệp thành phố và các đoàn thể Thôn X tổ chức Hội nghị lấy ý kiến về nguồn gốc, quá trình sử dụng và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình có đất nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, thành phố Bắc Giang, trong đó có hộ bà TTB.

Ngày 04/8/2021, UBND xã T có Thông báo số 55/TB-UBND về việc niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT GPMB (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, thành phố Bắc Giang. Ngày 06/8/2021, tại Biên bản xin ý kiến về phương án BT, HT GPMB để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, hộ gia đình bà TTB nhất trí với bản dự thảo đã niêm yết (đại diện gia đình là ông ĐXY ký nhận Biên bản).

Ngày 26/8/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1008 về việc thu hồi đất (đợt 12), Quyết định số 1009 về việc phê duyệt phương án BT, HT GPMB (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, thành phố Bắc Giang, trong đó: Thu hồi đối với hộ bà TTB tổng diện tích 1.279,0m², cụ thể:

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71, xứ đồng Non Đồng, diện tích cả thửa 19.644,8m², diện tích thu hồi 408,0m².

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66, xứ đồng Miếu, diện tích cả thửa 527,4m², diện tích thu hồi 180,0m².

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67, xứ đồng Cửa Làng, hộ bà TTB sử dụng, thu hồi là đất công ích do UBND xã T quản lý (diện tích cả thửa 15.346,4m², diện tích thu hồi 15.346,4m²).

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 67, xứ đồng Cồng Đông, diện tích cả thửa 327,0m², diện tích thu hồi 327,0m² và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 66, xứ đồng Miếu, diện tích cả thửa 5.617,5m², diện tích thu hồi 364,0m² (02 thửa đất này gia đình không có ý kiến vướng mắc).

- Hộ bà TTB được BT, HT với tổng số tiền 1.163.052.730đồng. Hộ bà TTB đã nhận tiền, bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

Quan điểm bên bị kiện: Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì mục đích quốc gia, công cộng:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của luật này ...”.

Phần diện tích 347,4m², đề nghị bồi thường là đất nông nghiệp trồng cây hằng năm, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 (diện tích cả thửa 527,4m², diện tích đã TH, BT, HT cho hộ bà B là 180,0m²); Phần diện tích 454,4m² (diện tích dôi dư so với hợp đồng giao thầu: 15.346,4m² - 14.892,0m²), đề nghị bồi thường là đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67 (diện tích thửa 15.346,4m²) và phần diện tích 120,0m², thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71 (diện tích thửa 19.644,8m²), đề nghị bồi thường là đất trồng cây hằng năm, hộ bà TTB không được Nhà nước cấp GCNQSDĐ nông nghiệp. Mặt khác:

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã T quản lý, UBND xã T giao thầu cho hộ ông N2; diện tích 180,0m² hộ bà B sử dụng nằm trong thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 có nguồn gốc trước đây làm sân bóng của xã đổi đất nông nghiệp cho hộ bà Bằng từ xứ đồng Miếu sang. Ông N2 sử dụng đất đến thời điểm năm 2009, sau đó cho hộ bà B sử dụng; hộ bà B hằng năm vẫn trả sản cho hộ ông N2. Tại buổi làm việc ngày 09/7/2021 giữa UBND xã T với đại diện hộ bà B là ông ĐXY (chồng bà B), ông Y khẳng định diện tích tại xứ đồng Miếu gia đình đổi cho xã làm sân bóng sang vị trí ao ông N2 là 7,5 thước (180,0m²). Diện tích 180,0m² đã được BT là đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà B.

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67 có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã quản lý; ngày 27/8/2018, UBND xã T lập hợp đồng giao khoán sử dụng đất công ích cho ông ĐXY.

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71, hộ bà TTB được giao 408,0m²; diện tích 120,0m², ông ĐXY có tờ khai nguồn gốc sử dụng đất, xác định diện tích

120,0m², xứ đồng Non Đồng, gia đình sử dụng là đất công ích do UBND xã quản lý.

Từ những căn cứ và xác minh đơn, xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của UBND xã T đối với hộ bà TTB, việc UBND thành phố thu hồi đất theo loại đất, hiện trạng sử dụng đối với hộ bà TTB là đúng quy định. Việc bà TTB yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1008 và hủy Quyết định số 1983 là không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, ông LOP - Phó Chủ tịch UBND tỉnh trình bày:

- Việc bà TTB đề nghị bồi thường diện tích 454,4m² thuộc thửa số 01, tờ số 67 bản đồ GPMB, diện tích 15.346,4m² và diện tích 120m² thuộc thửa đất số 36, tờ số 71 bản đồ GPMB, diện tích 19.644,8m² là không có cơ sở để giải quyết, vì: Căn cứ hợp đồng giao thầu năm 2018 cùng bản đồ địa chính năm 2014 thể hiện cả thửa đất giao thầu là thửa số 195 diện tích 14.891,7m² và tờ khai nguồn gốc đất được ông Y (chồng bà B) ký, UBND xã T, Trưởng thôn G xác nhận năm 2013 cùng sổ theo dõi đất công ích năm 2014 của xã. Các giấy tờ tài liệu trên là một trong những giấy tờ chứng minh đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Bản quy định về việc thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Đối với diện tích 347,4m² thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 66 bản đồ GPMB, diện tích 527,4m², hiện không có tài liệu chứng minh việc khoán thầu nhưng ngày 24/6/2022 UBND xã T phối hợp với tập thể Lãnh đạo thôn G cùng gia đình hộ ông N2 tổ chức hội nghị xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, đã xác định diện tích đất này là đất công ích, theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh, gia đình hộ ông N2 đã được nhận hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại. Do đó, bà B đề nghị BT diện tích này là không có cơ sở giải quyết.

- Về tính đúng đắn, tính hợp pháp của Quyết định số 2740: Quyết định số 2740 được ban hành đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, đất đai và các quy định khác có liên quan; việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh là khách quan, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế vụ việc.

Việc bà TTB đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2740 là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên Quyết định số 2740 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chồng, con bà B đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, quan điểm và tài liệu, chứng cứ gửi và cung cấp cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 2 Điều 74 và Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, 29, 30, 31, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà TTB về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND thành phố Bắc Giang, về việc thu hồi đất (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 05, số 09 thuộc đô thị N, thành phố Bắc Giang liên quan đến hộ gia đình bà TTB.

- Hủy Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang, về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB, trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB trú tại Thôn X, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (lần hai).

- Buộc UBND thành phố Bắc Giang phải bồi thường, hỗ trợ đủ cho gia đình bà Bằng tại: Thửa số 02, tờ bản đồ số 66, diện tích 347,4m²; thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 454,4m² và thửa số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 120,0m².

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/5/2023, người khởi kiện bà TTB có đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà B, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xét xử sơ thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà TTB, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện bà TTB, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Ngày 25/5/2023, người khởi kiện bà TTB nhận được Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; ngày 30/5/2023, bà TTB có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Đơn kháng cáo của bà TTB gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người khởi kiện bà TTB vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà B có mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là chồng, con bà Bằng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 26/8/2021, UBND thành phố Bắc Giang ban hành các Quyết định số 1008 về việc thu hồi đất (đợt 12); số 1009 về việc phê duyệt phương án BT, HT GPMB (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, thành phố Bắc Giang, trong đó thu hồi đối với hộ bà TTB với tổng diện tích 1.279,0m² đất. Ngày 31/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 1983 về việc giải quyết khiếu nại của bà B lần đầu. Ngày 04/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 2740 về giải quyết khiếu nại của bà B lần hai. Ngày 30/8/2022, bà B nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32 và khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà TTB, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy một phần của Quyết định số 1008 về việc thu hồi đất liên quan đến hộ bà TTB.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1008: Trước khi ban hành quyết định, UBND thành phố Bắc Giang đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, UBND thành phố Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1008 về việc thu hồi đất là đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Về căn cứ xác định diện tích đất thu hồi: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ

thu thập được thấy:

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã T quản lý, UBND xã T đã giao thầu cho hộ ông N2; diện tích 180,0m², hộ bà B sử dụng nằm trong thửa đất số 02, tờ bản đồ số 66 có nguồn gốc trước đây làm sân bóng của xã đổi đất nông nghiệp cho hộ bà B từ xứ đồng Miếu chuyển sang. Ông N2 sử dụng đất đến thời điểm năm 2009, sau đó cho hộ bà B sử dụng; hộ bà B hằng năm vẫn trả sản cho hộ ông N2. Tại buổi làm việc ngày 09/7/2021, giữa UBND xã T với đại diện hộ bà B là ông ĐXY (chồng bà B), ông Y đã khẳng định diện tích tại xứ đồng Miếu gia đình đổi để cho xã làm sân bóng sang vị trí ao ông N2 là 7,5 thước (tương đương 180,0m²). Diện tích 180,0m² đã được bồi thường là đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà B.

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67 có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã quản lý; ngày 27/8/2018, UBND xã T lập hợp đồng giao khoán sử dụng đất công ích cho ông ĐXY.

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 71, hộ bà B được giao 408,0m²; diện tích 120,0m², ông Y có tờ khai nguồn gốc sử dụng đất, xác định diện tích 120,0m² xứ đồng Non Đồng, gia đình sử dụng là đất công ích do UBND xã quản lý.

Do đó, việc bà B đề nghị bồi thường diện tích 454,4m² thuộc thửa số 01, tờ số 67 bản đồ GPMB, có tổng diện tích 15.346,4m² và diện tích 120m² thuộc thửa đất số 36, tờ số 71 bản đồ GPMB, có tổng diện tích 19.644,8m² là không có cơ sở như đã phân tích ở trên. Căn cứ hợp đồng giao thầu năm 2018 cùng bản đồ địa chính năm 2014 thể hiện cả thửa đất giao thầu là thửa số 195 diện tích 14.891,7m² và tờ khai nguồn gốc đất được ông Y ký, UBND xã T và Trưởng thôn G xác nhận năm 2013 cùng sổ theo dõi đất công ích năm 2014 của xã. Các giấy tờ, tài liệu trên là một trong những giấy tờ chứng minh đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất công ích theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Bản quy định về việc thu hồi đất; BT, HT và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Đối với diện tích 347,4m² thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 66 bản đồ GPMB, có diện tích 527,4m², hiện không có tài liệu nào chứng minh việc khoán thầu nhưng ngày 24/6/2022, UBND xã T phối hợp với tập thể Lãnh đạo thôn G cùng gia đình hộ ông N2 tổ chức hội nghị xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đã xác định diện tích đất này là đất công ích theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Bản quy định kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang, gia đình hộ ông N2 đã được nhận hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại. Gia đình bà B không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà nên bà B đề nghị bồi thường diện tích này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc bà B và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1008 về việc thu hồi đất liên quan đến gia đình bà B như phân tích ở trên là không có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà TTB (lần đầu).

Xét về thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định: Ngày 31/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 1983 là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hạn theo quy định tại Điều 18, Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

Xét về trình tự, thủ tục, nội dung và hình thức của quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà B, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang đã giao cho cơ quan chuyên môn xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại. Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 1983 đã thể hiện đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Vì vậy, Quyết định số 1983 đã đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ về nội dung, hình thức của văn bản nên việc bà B đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Đối với Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về giải quyết khiếu nại của bà TTB (lần hai).

Xét về thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định: Căn cứ Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 21, Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 2740 là đúng thẩm quyền, thời hạn theo quy định của pháp luật.

Xét về trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung ban hành quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà B, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã giao Sở TN&MT xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại lần hai. Trên cơ sở tiến hành và báo cáo của Sở TN&MT, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 2740 là đúng trình tự, thủ tục đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định Điều 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Vì vậy, Quyết định số 2740 đã đảm bảo về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục và hình thức, nội dung của văn bản nên việc bà B đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về yêu cầu buộc UBND thành phố Bắc Giang phải bồi thường cho gia đình bà B đối với diện tích còn thiếu tại thửa số 02, tờ bản đồ số 66, diện tích 347,4m²; tại thửa số 01, tờ bản đồ số 67, diện tích 454,4m² và tại thửa số 36, tờ bản đồ số 71, diện tích 120,0m²:

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy, việc thu hồi đất của UBND thành phố Bắc Giang đã được tiến hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp luật như đã phân tích ở trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này của bà B và người đại diện theo ủy quyền là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xem xét về tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan là

Quyết định số 1009 về việc phê duyệt phương án BT, HT GPMB (đợt 12) để thực hiện dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị N, thành phố Bắc Giang.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đồng ý với giá bồi thường, không có thắc mắc hay khiếu kiện gì đối với quyết định này; trước khi ban hành Quyết định số 1009, UBND thành phố Bắc Giang đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 2 Điều 74 và Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang nên UBND thành phố Bắc Giang ban hành Quyết định số 1009/QĐ-UBND đã đảm bảo về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục và hình thức, nội dung theo quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà B không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà B, cần giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5]. Về án phí: Do bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà B theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Bác kháng cáo của bà TTB. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà TTB.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hải

Đặng Thị Thơm

Trần Quang Minh

